

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 66/2019/KDTM-PT

Ngày: 24/6/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh;***

Các Thẩm phán : ***Ông Nguyễn Thanh Hưng***

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: ***Bà Đoàn Phương Thảo*** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Huyền Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 + 24/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2019/KDTM- PT ngày 09/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2019/QĐPT-KDTM ngày 24/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2019/QĐPT-KDTM ngày 14/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2019/KDPT-KDTM ngày 30/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên Q (V)

Trụ sở: Số 22, phố HV, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ***Ông Nguyễn Tiến Đ.*** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Phạm Tuấn A, Nguyễn Minh B, ông Hoàng Thái S, ông Nguyễn Việt C.**

Bị đơn: Hợp tác xã Dệt thủ công Q

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Bà Trịnh Thị N** - Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc Hợp tác xã.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn và bà N: **Luật sư Hoàng Văn T** - Văn phòng Luật sư TH, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP Việt Nam T

Địa chỉ: Số 89 L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Ngô Chí D.** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Hoàng Thái S, ông Nguyễn Văn T**
(Giấy ủy quyền số 3760/2019 ngày 15/5/2019)

Công ty Cổ phần Bất động sản N

Địa chỉ: Số 41, B3, Khu bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Bà Dương Thị Ngọc L.** Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nghiêm Việt A, Ông Đào Văn T** (Giấy ủy quyền số 12/UQ-NL ngày 24/04/2019)

Bà Trịnh Thị N, anh Đoàn Trịnh D, anh Đoàn Việt C, chị Đoàn Thị Nha T

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội

Anh D, anh C, chị T ủy quyền cho bà N (Giấy ủy quyền ngày 21/01/2019)

(Các đương sự: Ông S, bà N, ông Việt A, ông T, luật sư T
có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 18/7/2011 Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết 01 Hợp đồng tín dụng mang số LD1119200226 với Hợp tác xã Dệt thủ công Q (Gọi là HTX Q). Nội dung hợp đồng thể hiện việc Ngân hàng cho HTX Q vay 420.000USD; Mục đích vay: Thanh toán cho LC số

173TF1115300006 của HTX Q mở tại VB; Thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất cho vay 7,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trong hợp đồng tín dụng là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 23 (1 phần), tờ bản đồ số 7G-IV-29, địa chỉ số 16B, ngách 74, ngõ TH1, phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Hữu T và vợ là bà Trịnh Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA766498 do UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Máy móc, thiết bị và toàn bộ kho hàng hiện có tại thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội đã được ký kết tại Hợp đồng thế chấp số 217KD-2011/TC ngày 18/7/2011 và các Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172 KD-2011/TC ngày 31/5/2011; Hợp đồng thế chấp số 171 KD-2011/TC ngày 30/5/2011. Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho HTX Q vay đủ số tiền 420.000 USD nhưng HTX không trả được nợ và còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 273.000 USD và lãi là 26.865,8USD (Tính đến thời điểm khởi kiện). Ngày 19/9/2014 Ngân hàng bán toàn bộ số nợ của HTX Q cho Công ty Q (Gọi tắt là V). Đến ngày 25/12/2015 HTX Q đã bán một phần tài sản thế chấp là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Trịnh Thị N tại địa chỉ số 16B, ngách 74, ngõ TH1, phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội. Số tiền bán tài sản là 99.535,5 USD được trừ vào nợ gốc nên tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, HTX Q còn nợ V 173.465 USD (gốc) và 1.083USD (lãi trong hạn) cùng 71.389 USD (lãi quá hạn); Tổng cộng là 245.936 USD (Số tiền lãi phạt 16.398 USD V đồng ý miễn cho HTX Q). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu HTX Q phải thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên. Trường hợp HTX Q không trả nợ thì đề nghị cho xử lý các tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ.

Bị đơn - Hợp tác xã Q thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng và đã được Ngân hàng giải ngân cho vay đủ số tiền 420.000 USD. Do kinh doanh khó khăn nên HTX đã phải bán đi một phần tài sản để trả nợ nhưng hiện vẫn

còn nợ cả gốc và lãi 245.936 USD. HTX đồng ý trả số nợ trên nhưng xin được trả dần.

Đối với các tài sản của HTX đã bảo đảm thế chấp cho khoản vay đề nghị tuyên vô hiệu do Hợp đồng tín dụng không quy định các biện pháp xử lý tài sản thế chấp hoặc không đúng luật. Có 02 hợp đồng thế chấp được ký kết trước hơn 01 tháng so với hợp đồng tín dụng (Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai nhưng thời điểm thế chấp tài sản đã có). Yêu cầu V phải trả cho hộ gia đình bà N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê 1684m² tại huyện Phú Xuyên.

Ngày 20 và 22/7/2016 HTX Q có Đơn yêu cầu phản tố có nội dung: Vì muốn có vốn để kinh doanh, HTX Q đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh; Hợp đồng ủy quyền; Hợp đồng thế chấp tài sản với Công ty Cổ phần Bất động sản N (Gọi là Công ty N) và phải bàn giao toàn bộ tài sản của HTX Q là máy móc, nhà xưởng HTX cho Công ty N để Công ty kinh doanh và cho HTX vay tiền. Tuy nhiên sau khi nhận được tài sản do HTX bàn giao, Công ty N không thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết mà còn có yêu cầu HTX phải trả Công ty số tiền 36.000.000.000đ và yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp của HTX. Để bảo đảm quyền và lợi ích của mình, HTX Q đề nghị tuyên hủy các Hợp đồng hợp tác kinh doanh; Hợp đồng ủy quyền; Hợp đồng thế chấp giữa Công ty N và HTX Q và thực hiện việc kê biên máy móc, nhà xưởng bàn giao tài sản của HTX hiện Công ty N đang quản lý cho HTX Q trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Đồng thời buộc Công ty N phải trả tiền lương cho chủ nhiệm và phó chủ nhiệm HTX Q từ tháng 5/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm; Công ty N phải thanh toán tiền khấu hao tài sản, trả tiền thuê đất, tiền lãi phải thanh toán cho các hợp đồng tín dụng và tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

Công ty Cổ phần Bất động sản N có Đơn yêu cầu độc lập và trình bày: Công ty N và HTX Q đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh để sản xuất màn tuyn vào ngày 02/5/2012. Theo hợp đồng này, Công ty N sẽ đầu tư (Cho HTX Q) vay 28.000.000.000đ và 378.000 USD để tái cơ cấu lại sản xuất và trả nợ Ngân hàng, HTX Q ký kết hợp đồng thế chấp bổ sung toàn bộ tài sản trước đó HTX đã thế chấp cho Ngân hàng tiếp tục thế chấp cho Công ty N. Trường

hợp tài sản thế chấp của HTX Q bị phát mại thì ưu tiên thanh toán các khoản nợ trả cho Ngân hàng trước, phần tài sản còn lại mới thanh toán trả cho Công ty N. HTX Q đồng ý giao cho Công ty N quản lý, khai thác toàn bộ tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc, thiết bị tại phần đất của hộ gia đình bà N thuê tại thôn Đ, xã P trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Để đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa HTX Q và Công ty N còn ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng ủy quyền, hợp đồng vay tài sản.

Thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty N vừa trả nợ cho Ngân hàng (Khoản vay của HTX Q) vừa cho HTX vay tiền có tổng trị giá cả 2 khoản là 36.175.185.976đ. HTX Q cũng bàn giao toàn bộ tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để Công ty N khai thác sử dụng (Có sự đồng ý của Ngân hàng). Lấy lý do Công ty N không trả nợ Ngân hàng, nhiều lần HTX Q gây khó khăn, cản trở việc khai thác, quản lý tài sản thế chấp của Công ty N và không chịu thanh toán công nợ cho Công ty. Vì vậy, Công ty N có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc HTX Q phải trả Công ty 28.898.665.890đ và được tiếp tục quản lý tài sản thế chấp của HTX Q tại thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội.

Ngân hàng TMCP Việt Nam T đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết yêu cầu đòi nợ của V do các khoản nợ mà HTX Q nợ Ngân hàng đã được bán cho V từ năm 2014.

Anh Đoàn Trịnh D, Đoàn Việt C, chị Đoàn Thị Nha T (Con của bà Trịnh Thị N và ông Đoàn Văn T) không đề nghị Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ: Số 16B, ngách 74, ngõ TH1, phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội do tài sản đã giải chấp nhưng vẫn yêu cầu Nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất này đứng tên quyền sử dụng của hộ gia đình bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn rút phần yêu cầu phản tố gồm: Yêu cầu Công ty N trả tiền lương cho các cán bộ quản lý của HTX Q; Thanh toán khấu hao tài sản; Phạt do vi phạm hợp đồng; Trả tiền thuê đất; Tiền lãi phải thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng; Không yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm của ông Hoàng Văn P (Giám đốc

Chi nhánh K, Ngân hàng Việt Nam T) về hành vi ký chấp nhận cho Công ty N nhận tài sản thế chấp của HTX Q.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội đã xét xử và quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q (V). Cụ thể:

Buộc Hợp tác xã Dệt Q (Q) phải trả nợ cho Công ty TNHH MTV Q (V) số tiền 173.465 USD nợ gốc cùng với nợ lãi trong hạn 1.083 USD, lãi quá hạn 71.389 USD và lãi phạt 16.398 USD tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2018. Tổng cộng HTX Dệt Q còn phải trả cho Công ty TNHH MTV Q (V) cả gốc và lãi là 245.936 USD tương đương 5.727.111.632đ theo Hợp đồng tín dụng số LD1119200226 và Khế ước nhận nợ số LD1119200226 ngày 18/7/2011 và Hợp đồng mua bán nợ số 3092/2014/MBN.VAMC2-VB).

HTX Dệt Q còn phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q (V) tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo từ ngày 15/8/2018 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp HTX Dệt Q không trả được nợ, Công ty TNHH MTV Q (V) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là:

Máy dệt kim Tricot (số lượng 01 máy, nơi sản xuất Đức, năm sản xuất 2011, Nguồn gốc Đức và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ giá trị máy móc thiết bị trong suốt thời hạn vay. Tất cả các phụ tùng thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 217KD-2011/TC ngày 30/5/2011 giữa VB và HTX Dệt thủ công Q).

Nhà kho, nhà xưởng sản xuất 1 (xưởng cũ), nhà xưởng sản xuất 2 (xưởng mới), cầu trục 1 tấn, máy biến áp 400KVA, hệ thống điều hòa không khí tại thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp. Tài sản thế chấp này được mô tả chi tiết tại mục II, phần II của Chứng thư thẩm định, định giá tài sản số 29/5-2011/HQHN của Chi nhánh

Công ty TNHH Thẩm định giá HQ đề ngày 25/5/2011. Các tài sản trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 58, tờ bản đồ 1/TC diện tích 1.684m² tại thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Hà Tây (Cũ) do UBND huyện Phú Xuyên cấp ngày 29/9/2004 mang tên hộ bà Trịnh Thị N (Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172KD-2011/TC ngày 31/5/2011 giữa 03 bên VB, HTX Dệt thủ công Q và bà Trịnh Thị N, ông Đoàn Hữu T, anh Đoàn Trịnh D)

Các máy móc thiết bị và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ giá trị máy móc thiết bị trong suốt thời hạn vay:

Máy dệt kim bằng KS2B-E28; Số lượng 03 máy; Nơi sản xuất: Trung Quốc; Năm sản xuất 2011; Nguồn Trung Quốc.

Máy mắc sợi GE 203: Số lượng 01 máy; Nơi sản xuất Trung Quốc; Năm sản xuất 2011; Nguồn Trung Quốc.

Trục cuộn sợi: Số lượng 200 cái; Nơi sản xuất Trung Quốc; Năm sản xuất 2011; Nguồn Trung Quốc.

Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 217KD-2011/TC ngày 18/7/2011 giữa VB và HTX Dệt thủ công Q.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì HTX Dệt thủ công Q còn phải thanh toán cho đến khi hết nợ.

3. Buộc HTX Dệt thủ công Q phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Bất động sản N 28.716.447.000đ tiền nợ gốc.

Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Bất động sản N là trong trường hợp phải xử lý tài sản để thu hồi nợ, số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm sẽ được sử dụng để trả cả các khoản nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí phát sinh khác để trả cho Công ty TNHH MTV Q thì số tiền hoặc tài sản còn lại mới dùng để thanh toán trả cho Công ty Bất động sản N. Trường hợp số tiền hoặc tài sản còn lại chưa thanh toán hết các khoản nợ thì HTX Dệt thủ công Q còn phải tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, ngoài số tiền phải thi hành nêu trên, người phải thi

hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Giao toàn bộ tài sản thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị theo các hợp đồng thế chấp 217KD-2011/TC ký ngày 18/7/2011, hợp đồng thế chấp số 217KD-2011/TC ngày 30/5/2011 và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172KD-2011/TC ngày 31/5/2011 hiện tọa lạc tại thửa đất diện tích 1684m² tờ bản đồ số 01, thửa số 58, thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội mang tên hộ gia đình bà Trịnh Thị N (Thuê của UBND huyện Phú Xuyên) cho Công ty N quản lý cho đến khi HTX Q thực hiện xong nghĩa vụ dân sự của mình với Ngân hàng và Công ty N hoặc cho đến khi có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của V; Cụ thể:

- Máy dệt kim Tricot (Số lượng: 01 máy, nơi sản xuất: Đức, năm sản xuất 2011, nguồn gốc: Đức và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ giá trị máy móc thiết bị trong suốt thời hạn vay. Tất cả các phụ tùng thiết bị, vật phụ...được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 217KD-2011/TC ngày 30/5/2011 giữa VB và Hợp tác xã Dệt thủ công Q)

- Nhà kho, nhà xưởng sản xuất 1 (xưởng cũ), nhà xưởng sản xuất 2 (xưởng mới), cầu trục 1 tấn, máy biến áp 400KVA, hệ thống điều hòa không khí tại thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp. Tài sản thế chấp này được mô tả chi tiết tại mục II, phần II của Chứng thư thẩm định, định giá tài sản số 29/5-2011/HQHN của Chi nhánh Công ty TNHH Thẩm định giá HQ đề ngày 25/5/2011. Các tài sản trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 58, tờ bản đồ 1/TC diện tích 1.684m² tại thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Hà Tây (Cũ) do UBND huyện Phú Xuyên cấp ngày

29/9/2004 mang tên hộ bà Trịnh Thị N (Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172KD-2011/TC ngày 31/5/2011 giữa 03 bên VB, HTX Dệt thủ công Q và bà Trịnh Thị N, ông Đoàn Hữu T, anh Đoàn Trịnh D)

Các máy móc thiết bị và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ giá trị máy móc thiết bị trong suốt thời hạn vay:

Máy dệt kim bằng KS2B-E28; Số lượng 03 máy; Nơi sản xuất: Trung Quốc, Năm sản xuất: 2011; Nguồn Trung Quốc.

Máy mắc sợi GE 203: Số lượng 01 máy; Nơi sản xuất Trung Quốc; Năm sản xuất 2011; Nguồn Trung Quốc.

Trục cuộn sợi: Số lượng 200 cái; Nơi sản xuất Trung Quốc; Năm sản xuất 2011; Nguồn Trung Quốc.

Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 217KD-2011/TC ngày 18/7/2011 giữa VB và HTX Dệt thủ công Q

4. Đình chỉ các yêu cầu phản tố của HTX Dệt thủ công Q gồm: Yêu cầu Công ty N trả tiền lương cho cán bộ quản lý; Yêu cầu tiền khấu hao tài sản do vi phạm hợp đồng; Tiền trả thuê đất; Tiền lãi phải thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng; Xem xét trách nhiệm cá nhân của ông Hoàng Văn P trong quan hệ ký kết hợp đồng thế chấp bổ sung giữa Q và N.

HTX Q được quyền khởi kiện lại các yêu cầu này trong một vụ án kiện dân sự khác”

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án nêu trên, ngày 27/8/2018 Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại cấp phúc thẩm:

Ngày 28/3/2019 V bán lại toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty V đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm buộc HTX Dệt thủ công Q thanh toán trả Ngân hàng khoản tiền nợ

gốc và nợ lãi theo Hợp đồng mua bán nợ số 371A/2019/BN.VAMC1-VB lập ngày 28/3/2019.

Các đương sự khác vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Hợp tác xã Q đề nghị Tòa án triệu tập một số xã viên Hợp tác xã vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên các quan điểm. Sau khi đã kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Bị đơn xuất trình cho HĐXX 1 USB, theo Bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn thì trong USB có chứa đoạn ghi âm, thời gian trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nội dung ghi âm thể hiện việc thẩm phán cấp sơ thẩm tư vấn cho Bị đơn rút yêu cầu phản tố để giải quyết vụ án nhanh chóng. Vì tin tưởng nên Bị đơn rút yêu cầu phản tố và chính vì vậy làm thiệt hại đến quyền lợi của Bị đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cho Bị đơn và bà Trịnh Thị N trình bày luận cứ có nội dung chính:

Bản án sơ thẩm không đầy đủ, không khách quan, không bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp cho các bên. Việc rút yêu cầu phản tố của Bị đơn do Tòa sơ thẩm tư vấn sau khi đã nộp tiền tạm ứng phản tố 61.000.000đ đã làm thiệt hại quyền và lợi ích của HTX,

Phải xem xét giá trị của hợp đồng hợp tác, trình tự thực hiện hợp đồng này của Công ty N và HTX Q.

Phải đưa các thành viên của HTX vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan và người làm chứng.

Việc bà L (Công ty N) giao cho bà N (HTX Q) 20.000.000.000đồng chỉ có bà N và bà L biết, không chứng minh được giao dịch này nên không có căn cứ chứng minh việc HTX đã nhận số tiền trên.

Tòa án không xác định đúng quan hệ pháp luật. Thông qua việc Ngân hàng bàn giao tài sản quản lý thì HTX Q và Công ty N đều là Bị đơn nhưng Tòa án chỉ xác định HTX là Bị đơn là không chính xác. Tòa án không xem xét, thẩm định, đối chất để xem số tiền Công ty N phải trả Ngân hàng không

bảo đảm quyền lợi của HTX. Công ty N khai thác sử dụng tài sản thế chấp của HTX Q hơn 7 năm nhưng không trả nợ thay. Thẩm phán cấp sơ thẩm tư vấn cho bà N rút đơn phản tố làm thiệt hại đến quyền lợi của HTX là vi phạm tố tụng, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính:

Đơn kháng cáo của Bị đơn là hợp lệ. Tòa án Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thời hạn. Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Bà N (đại diện HTX Q) có quyền rút hay không rút yêu cầu phản tố không thể vì tư vấn của thẩm phán sơ thẩm mà quyền lợi của bà N hay HTX bị ảnh hưởng. Các yêu cầu kháng cáo bổ sung của Bị đơn như đưa thêm xã viên HTX vào tham gia tố tụng hay người làm chứng không nằm trong phạm vi xét xử phúc thẩm nên đề nghị HĐXX không xem xét. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 29 Luật Hợp tác xã năm 2017 thì HTX là Bị đơn trong quan hệ pháp luật. Cơ cấu tổ chức hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm đại hội thành viên, hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) và ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và Khoản 1 Điều 37 Luật Hợp tác xã quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nên không cần thiết phải đưa những xã viên khác vào tham gia tố tụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện Nguyên đơn đã rút yêu cầu đề nghị phát mại tài sản thế chấp ở địa chỉ ngõ TH, quận Đ, tại phiên tòa sơ thẩm đương sự không có ý kiến thì cần áp dụng Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự để đình chỉ mới đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm, V và Ngân hàng TMCP Việt Nam T xuất trình tài liệu thể hiện việc V đã bán lại nợ cho Ngân hàng nên đề nghị sửa án xác định Nguyên đơn là V và Ngân hàng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Bị đơn về việc tuyên bố các hợp đồng của Công ty N và HTX Q là vô hiệu; Giấy nhận nợ 20.000.000.000đ vô hiệu; Buộc Công ty N phải bàn giao nhà xưởng, máy móc tại thôn Đ, xã P, huyện P cho HTX quản lý.

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Bị đơn (HTX Q) làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 28/3/2019 Công ty TNHH MTV Q (V) đã bán lại toàn bộ khoản nợ của HTX Q cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T thể hiện bằng Hợp đồng mua bán nợ số 371A/2019/BN.VAMC1-VPBank, giá bán là 5.800.158.000đ - PL 01; các HĐTC liệt kê tại PL 02 - Ngân hàng được kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V đối với các khoản nợ đã mua, quyền và nghĩa vụ của bên A đối với bên bảo đảm...

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 68, Điều 74 BLTTDS 2015 và hướng dẫn tại điểm b, điểm c Điều 7 Nghị quyết 03 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại TAND, HĐXX thấy cần sửa án sơ thẩm xác định Nguyên đơn là: V, Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng TMCP Việt Nam T là phù hợp.

Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn đề nghị HĐXX phúc thẩm triệu tập một số xã viên của HTX tham gia tố tụng (Kèm theo đơn là bản danh sách họ tên những người được liệt kê) nhưng không có tài liệu chứng minh họ đang là xã viên HTX, HĐXX thấy rằng: HTX Q đang là Bị đơn trong vụ án, thì tất cả các xã viên trong HTX cũng đang mang tư cách là Bị đơn nhưng được người đại diện theo pháp luật của HTX (Bà Trịnh Thị N - Chủ tịch HĐQT, kiêm giám đốc HTX) trực tiếp là người đại diện tham gia tố tụng thay mặt toàn thể xã viên HTX nên quyền lợi của các xã viên này đều đã được bảo đảm theo

quy định của pháp luật.

Bị đơn xuất trình USB theo Bị đơn thì đó là chứng cứ chứng minh việc thẩm phán cấp sơ thẩm tư vấn Bị đơn rút yêu cầu phản tố nhưng khi được HĐXX hỏi cùng với việc xuất trình USB thì Bị đơn muốn tố cáo hành vi vi phạm của thẩm phán hay vì mục đích gì khác, Bị đơn khẳng định chỉ xuất trình để chứng minh việc rút đơn là không tự nguyện và làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích của HTX. Do vậy, HĐXX xác định đây là yêu cầu kháng cáo bổ sung và sẽ được xem xét, quyết định trong bản án phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Bị đơn còn xuất trình 1 Biên bản giao nhận tài liệu chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên lập ngày 13/6/2019, nội dung thể hiện việc Tòa án này đã nhận đơn khởi kiện ngày 11/6/2019 của bà Trịnh Thị N (HTX Q) cùng tài liệu kèm theo. Bị đơn đề nghị HĐXX phúc thẩm tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án để chờ kết quả thụ lý, giải quyết vụ án sơ thẩm sắp tới của Tòa án huyện Phú Xuyên. Xét thấy đề nghị này không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

Xét về yêu cầu kháng cáo của Bị đơn cho rằng Công ty N phải được xác định là đồng bị đơn do đang quản lý tài sản thế chấp của HTX Q và Công ty đã cam kết trả thay khoản nợ của HTX tại Ngân hàng, HĐXX thấy: Tại Đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của VAMC chỉ kiện duy nhất HTX Q (Bên ký kết hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ) và cũng là bên được Ngân hàng trực tiếp giải ngân. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm. Do đó chỉ HTX Q là Bị đơn trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” do V khởi kiện.

Trong suốt quá trình tố tụng từ cấp sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm, chưa khi nào Công ty N thừa nhận trách nhiệm hay tự nguyện trả thay khoản nợ của HTX Q và cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc Công ty N cam kết trả khoản nợ này nên không có căn cứ xác định Công ty N

là đồng Bị đơn trong vụ án.

Xét yêu cầu kháng cáo của HTX Q đề nghị tuyên các hợp đồng thế chấp tài sản giữa các chủ tài sản và Ngân hàng là vô hiệu, vì:

- 02 Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 171/KD-2011/TC ngày 30/5/2011, Hợp đồng thế chấp số 217/KD-2011/TC ngày 18/7/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172 KD- 2011/TC ngày 31/5/2011 được ký kết trước Hợp đồng tín dụng trên 01 tháng

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là quyền sử dụng đất thuê 1.684 m² và toàn bộ nhà xưởng đã có tại thời điểm giao kết hợp đồng, không phải hình thành trong tương lai như tên gọi của hợp đồng.

- Các hợp đồng thế chấp không qui định phương thức xử lý tài sản thế chấp là trái pháp luật.

- Các hợp đồng thế chấp không qui định hợp đồng thế chấp nào dùng để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nào.

- Việc Ngân hàng buộc thế chấp cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê làm tài sản thế chấp là không đúng và phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà N.

HĐXX thấy rằng: Việc ký kết 3 Hợp đồng thế chấp được thực hiện trên cơ sở tự nguyện giữa bên nhận thế chấp và người có tài sản thế chấp.

Tại khoản 1 Điều 2 các Hợp đồng thế chấp đều quy định tài sản thế chấp ... được đảm bảo cho việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với ngân hàng... phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng...ký giữa các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các Hợp đồng, văn bản đó giữa bên ngân hàng và bên thế chấp trong khoảng thời gian 84 tháng từ ngày ký hợp đồng này (ngày ký Hợp đồng thế chấp).

2. Thời hạn thế chấp sẽ duy trì hiệu lực cho đến khi Bên thế chấp hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm đối với bên ngân hàng và bên ngân hàng đã hoàn tất các thủ tục giải chấp tài sản thế chấp.

Do HTX Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng tín dụng nên bản án sơ thẩm tuyên ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 171 KD-2011/TC ngày 30/5/2011; Hợp

đồng thế chấp số 172 KD-2011/TC ngày 31/5/2011; Hợp đồng thế chấp số 217 KD-2011/TC ngày 18/7/2011 là có căn cứ và phù hợp với Điều 355 BLDS 2005 quy định về xử lý tài sản thế chấp .

- Bị đơn kháng cáo cho rằng Hợp đồng cho vay qui định bằng ngoại tệ, trong khi hợp đồng thế chấp qui định bằng tiền Việt Nam là mâu thuẫn, dẫn đến việc trả nợ là bất khả thi.

+ Hợp đồng tín dụng LD1119200226 ký ngày 18/7/2011 cấp tín dụng bằng USD nhằm mục đích để HTX Q thanh toán cho LC số 173TF1115300006 mở tại VB...

+ Các hợp đồng thế chấp, trị giá tài sản phải được tính theo Việt Nam đồng là phù hợp với quy định pháp luật, quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án sẽ căn cứ vào tỷ giá giữa USD và Việt Nam đồng để xác định nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi của bị đơn đối với khoản nợ tín dụng.

- Xét yêu cầu kháng cáo buộc Nguyên đơn trả cho Hộ gia đình bà *Trịnh Thị N* giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S582681 UBND huyện Phú Xuyên cấp ngày 29/9/2004

HĐXX thấy rằng: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172 KD-2011/TC ngày 31/5/2011 giữa 03 bên Ngân hàng; Hợp tác xã Dệt thủ công Q và bà Trịnh Thị N, ông Đoàn Hữu T, anh Đoàn Trịnh D.

Tài sản thế chấp là nhà kho, nhà xưởng sản xuất 1 (xưởng cũ), nhà xưởng sản xuất 2 (xưởng mới), cầu trục 1 tấn, máy biến áp 400KVA, hệ thống điều hòa không khí là tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn Đ, xã P, huyện P, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND Phú Xuyên cấp cho hộ gia đình bà Trịnh Thị N (thửa đất số 58, số tờ bản đồ 1/TC; diện tích 1.684m²)

Tại khoản 2, 3 Điều 3 của Hợp đồng các bên đã cam kết HTX có nghĩa vụ bàn giao cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại toàn bộ giấy tờ, tài liệu đã nhận khi bên thế chấp đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm... và bên Ngân hàng đã thực hiện thủ tục giải chấp tài sản thế chấp.

Do Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng nên

kháng cáo đòi trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị tuyên các hợp đồng với Công ty N là vô hiệu, do trái pháp luật; Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của Công ty N đòi HTX Q 20.000.000.000 đồng.

Ngày 02/5/2012, Công ty N và HTX Dệt Q ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh (không số) liên doanh liên kết để sản xuất và kinh doanh màn tuyn xuất khẩu. Nội dung thể hiện:

+ Công ty N (bên B) cung cấp một khoản vay vốn cho HTX Q (bên B) là 28.000.000.000 đồng và 378.000 USD (Điều 3), để HTX Q cơ cấu các khoản nợ của Ngân hàng và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác, đảm bảo tài chính cho hoạt động kinh doanh của bên A (HTX Q) mà không phải trả lãi, trong thời hạn 05 năm kể từ ngày giao kết hợp đồng (Điều 9).

Trước khi HTX Q và Công ty N ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh, ngày 12/4/2012, HTX Q có biên bản họp Đại hội xã viên về việc phê duyệt Phương án kinh doanh.

Khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa HTX Q và Công ty N, Ngân hàng với tư cách là bên nhận thế chấp đã được thông báo. Đồng thời giữa 3 bên: HTX Q - Công ty N - Ngân hàng đã ký thỏa thuận thế chấp bổ sung, với nội dung cơ bản như sau:

- *VB chấp thuận việc HTX thế chấp các tài sản mà HTX, cá nhân bà N đang thế chấp cho VB để đảm bảo các nghĩa vụ của HTX và bà N đối với công ty N, trên cơ sở không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của VB.*

- *Sau khi HTX hoàn tất nghĩa vụ trả nợ, VB sẽ bàn giao lại toàn bộ giấy tờ cho Công ty N.*

- *Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ, phần tiền còn lại sau khi VB đã thu hồi nợ, sẽ được chuyển giao cho Công ty N.*

Để cụ thể hóa các cam kết thế chấp giữa HTX với Công ty N, Ngày 3/5/2012, hai bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp không số. Nội dung Công ty N là bên nhận thế chấp được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp đối với các tài sản đã được thế chấp với VB.

Ngày 05/5/2012, HTX Q đã ủy quyền cho Công ty N trong hoạt động quản lý điều hành liên quan đến HTX, đồng thời đã bàn giao 1 phần tài sản cho Công ty N theo Biên bản lập ngày 4/5/2012 (BL 248); biên bản bàn giao tài sản bổ sung ngày 3/10/2012 (BL 250)

Việc thực hiện và ký kết các văn bản thỏa thuận giữa HTX Q và Công ty N do người đại diện theo pháp luật của 2 pháp nhân ký; các thỏa thuận liên quan đến quan hệ tín dụng và thế chấp đã được VB xác nhận; thực hiện trên cơ sở quy định pháp luật. Kháng cáo của HTX đề nghị cấp phúc thẩm tuyên các văn bản thỏa thuận trên vô hiệu là không có căn cứ pháp lý.

+ Xét yêu cầu kháng cáo của HTX Qn đề nghị Tòa án tuyên giấy nhận nợ 01 ngày 3/5/2012 là vô hiệu do đây là giấy nhận nợ khống, thực tế không có việc HTX Q nhận của N 20.000.000.000đ

Căn cứ vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 02/5/2012; hợp đồng vay ký ngày 03/5/2012 giữa Công ty N và HTX Q.

Thấy rằng, 2 bên đã thống nhất, ký hợp đồng với nội dung Công ty N cho HTX Q vay số tiền 28.000.000.000đ và 378.000USD, mục đích cơ cấu khoản nợ ngân hàng và bổ sung vốn thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký.

Tại cấp sơ thẩm, Công ty N có yêu cầu độc lập đề nghị HTX Q trả cho Công ty N số tiền Công ty N đã cho HTX Q vay là **28.716.447.000đ. Trên cơ sở chứng từ chuyển khoản, giấy nhận nợ viết tay. Tại phiên tòa sơ thẩm, 2 bên công ty đã thống nhất được số tiền Công ty N gửi qua Ngân hàng và giấy nhận nợ là 8.716.447.000 đồng**, sau khi đã đồng ý trừ thêm 02 khoản tiền 130.000.000 đồng và 128.000.000 đồng mà HTX Q xuất trình bổ sung tại tòa, chỉ còn tranh chấp khoản tiền 20.000.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 03/5/2012.

Bà N cho rằng khoản tiền 20.000.000.000đ của **giấy nhận nợ số 01 ngày 03/5/2012** là không có tiền thật mà bà chỉ ký khống theo lời hứa của bà L là sáng hôm sau sẽ “*chuyển tiền*” mặt, và bà đã bị bà L “lừa, ép phải ký kết các hợp đồng, các giấy nhận nợ khi mà quá cần tiền”.

Căn cứ vào 13 giấy nhận nợ (từ giấy nhận nợ **số 1: ngày 03/5/2012**,

đến giấy nhận nợ số 13 ngày 21.10.2012) có nội dung Công ty N đã chuyển tiền, HTX Q đã nhận tiền), tại các giấy nhận nợ này, bà N đã ký và đóng dấu của HTX Q xác nhận các nội dung đã được ghi tại các giấy nhận nợ.

Bà N cho rằng bà có ký giấy nhận nợ nhưng Công ty N không đưa cho bà tiền như đã cam kết. Xét thấy: Giấy nhận nợ số tiền 20.000.000.000đ được lập ngày 03/5/2012 sau đó, 2 bên còn ký rất nhiều giấy nhận nợ khác nhưng bà N không có ý kiến về việc Công ty N không trả tiền 20.000.000.000đ. Mặt khác căn cứ vào các biên bản thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh thấy rằng, ngày 05/5/2012, hai bên ký biên bản bàn giao tài sản để Công ty N tham gia dự án kinh doanh; ngày 03/10/2012, tiếp tục ký các biên bản bàn giao bổ sung. Việc bà N cho rằng bà bị lừa ép ký giấy nhận nợ số 01 ngày 03/5/2012 là không có căn cứ, kháng cáo này của bà N là không có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn còn kháng cáo đề nghị Tòa án buộc Công ty N phải bàn giao nhà xưởng, máy móc tại thôn Đ, xã P, huyện P cho HTX quản lý.

HĐXX thấy rằng: Căn cứ vào nội dung Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Hợp đồng ủy quyền, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng thế chấp bổ sung, Hợp đồng vay tiền ký kết giữa Công ty N và HTX Q.

Khi thực hiện hợp đồng Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Ngân hàng đã được thông báo và đồng ý việc hợp tác kinh doanh này.

Tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 02/5/2012 có quy định tại Điều 3, Công ty N cung cấp cho HTX Q số tiền 28.000.000.000đ và 378.000USD để cơ cấu nợ ngân hàng, bổ sung vốn kinh doanh.

Điều kiện là Công ty N cùng thực hiện dự án sản xuất tơ lụa, dệt màn tuyn, may thành phẩm xuất khẩu. HTX chuyển giao toàn bộ quyền khai thác, kinh doanh đối với tài sản cho bên Công ty N... (điều 2); Công ty N có quyền quản lý toàn bộ dự án, HTX có quyền cử người giám sát thực hiện dự án. Công ty N có toàn quyền khai thác tài sản cho mục đích kinh doanh (Điều 7)

Điều kiện hoàn trả tài sản: nếu HTX trả nợ khoản vay trước khi kết thúc hợp đồng; trường hợp không trả được trước khi hợp đồng hết hạn thì bên Công ty N có quyền bán tài sản để xử lý nợ hoặc nhận lại tài sản để thay thế nghĩa vụ (Điều 3).

Do hiện nay HTX không trả được khoản tiền đã nhận của Công ty N, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty N vẫn có quyền quản lý và khai thác tài sản là có căn cứ. Bản án sơ thẩm xác định cho đến khi HTX Q thực hiện xong nghĩa vụ dân sự của mình với V và Công ty N.

Việc thẩm phán cấp sơ thẩm tư vấn đề bà N (đại diện HTX Q) rút đơn phản tố (nếu có) cũng không làm thiệt hại đến quyền lợi của HTX khi bà N không tự nguyện bởi bà N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ trình độ nhận thức.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn có một số sai sót như sau:

- Tại cấp sơ thẩm, Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị phát mại tài sản thế chấp tại địa chỉ số 16B, ngách 74, ngõ TH1, phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của Nguyên đơn là sai sót cần rút kinh nghiệm.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phạt 16.398 USD nhưng cấp sơ thẩm vẫn tuyên buộc Bị đơn phải thanh toán khoản tiền này cho Nguyên đơn là vi phạm quyền tự định đoạt của các đương sự.

Mặc dù bản án sơ thẩm có một số sai sót nêu trên nhưng những sai sót này không làm thiệt hại đến quyền lợi của các đương sự và đã được cấp phúc thẩm khắc phục nên không cần thiết phải hủy án.

Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên HTX Q phải chịu án phí phúc thẩm. HĐXX phúc thẩm sửa cách tuyên án của cấp sơ thẩm.

Từ những nhận định trên:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của Công ty TNHH MTV Q (V) đối với Hợp tác xã Dệt thủ công Q.

Hợp tác xã Dệt thủ công Q phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Việt Nam T - Pháp nhân thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của V số tiền nợ bao gồm: 173.465USD (gốc) cùng 1.083USD (lãi trong hạn) và 71.389USD (Lãi quá hạn). Tổng cộng: 245.937USD tương đương 5.727.134.919đ (Tỷ giá quy đổi tại thời điểm xét xử sơ thẩm 1USD = 23.287VND - Ngân hàng TMCP N)

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, Hợp tác xã Dệt thủ công Q còn tiếp tục phải chịu lãi suất đối với khoản tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

2. Trường hợp Hợp tác xã Dệt thủ công Q không trả nợ, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (Pháp nhân thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của V) có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể:

a.01 Máy dệt kim hiệu Tricot xuất xứ: Đức, sản xuất năm 2011 và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ giá trị máy móc thiết bị trong suốt thời hạn vay. Toàn bộ các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp hoặc thay thế vào đều thuộc tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 171/KD-2011/TC ngày 30/5/2011 giữa VB và HTX Dệt thủ công Q).

b. Nhà kho, nhà xưởng sản xuất 1 (xưởng cũ), nhà xưởng sản xuất 2 (xưởng mới), cầu trục 1 tấn, máy biến áp 400KVA, hệ thống điều hòa không khí tại thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp. Tài sản thế chấp này được mô tả chi tiết tại mục II, phần II của Chứng thư thẩm định, định giá tài sản số 29/5-2011/HQHN của Chi nhánh Công ty TNHH Thẩm định giá HQ đề ngày 25/5/2011. Các tài sản trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 58, tờ bản đồ 1/TC diện tích 1.684m² tại thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Hà Tây (Cũ) do UBND huyện Phú Xuyên cấp ngày 29/9/2004 mang tên hộ bà Trịnh Thị N (Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172KD-2011/TC ngày 31/5/2011 giữa 03 bên VB, HTX Dệt thủ công Q và bà Trịnh Thị N, ông Đoàn Hữu T, anh Đoàn Trịnh D)

c. Các máy móc, thiết bị và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ giá trị máy móc thiết bị trong thời gian vay gồm:

- 03 Máy dệt kim bằng KS2B-E28, xuất xứ Trung Quốc, sản xuất năm 2011.

- 01 Máy mắc sợi GE 203, xuất xứ Trung Quốc, sản xuất năm 2011
- 200 Trục cuộn sợi, xuất xứ Trung Quốc, sản xuất năm 2011.

Tất cả các phụ tùng lắp thêm hoặc thay thế vào các tài sản được liệt kê trên đây đều thuộc tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 271/KD-2011/TC ngày 18/7/2011 giữa VB và HTX Dệt thủ công Q)

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Bất động sản N đối với Hợp tác xã Dệt thủ công Q

Buộc Hợp tác xã Dệt thủ công Q phải thanh toán trả Công ty Cổ phần Bất động sản N số tiền nợ 28.716.447.000đ.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm của Hợp tác xã Dệt thủ công Q để thu hồi nợ thì số tiền thu được từ việc phát mại tài sản được thanh toán cho các khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T, số tiền còn lại mới được thanh toán cho các khoản nợ của Hợp tác xã Dệt thủ công Q tại Công ty Cổ phần Bất động sản N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Giao toàn bộ tài sản thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị theo các Hợp đồng thế chấp số 217KD-2011/TC ký ngày 18/07/2011, Hợp đồng thế chấp số 171KD-2011/TC ngày 30/05/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172KD-2011/TC ngày 31/05/2011 nằm tại thửa số 58, tờ bản đồ số 01, diện tích 1684 m², địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội, mang tên người thuê đất hộ gia đình bà Trịnh Thị Nhdo UBND huyện Phú Xuyên cho thuê để Công ty N tiếp tục quản lý cho đến khi Hợp tác xã Dệt thủ công Q thực hiện xong nghĩa vụ dân sự với Ngân hàng và Công ty N, hoặc cho đến khi có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Bao gồm:

4.1. 01 Máy dệt kim Tricot xuất xứ Đức, sản xuất năm 2011 và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ giá trị máy móc thiết bị trong suốt thời hạn vay. Tất cả các phụ tùng lắp thêm hoặc thay thế vào tài sản thế chấp đều thuộc

tài sản thế chấp. (Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 171/KD-2011/TC ngày 30/5/2011 giữa VB và HTX Dệt thủ công Q).

4.2. Nhà kho, nhà xưởng sản xuất 1 (xưởng cũ), nhà xưởng sản xuất 2 (xưởng mới), cầu trục 1 tấn, máy biến áp 400KVA, hệ thống điều hòa không khí tại thôn Đ, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp. Tài sản thế chấp này được mô tả chi tiết tại mục II, phần II của chứng thư thẩm định, định giá tài sản số 29/5-2011/HQHN của chi nhánh Công ty TNHH Thẩm định giá HQ đề ngày 2011. Các tài sản trên là tài sản gắn liền với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 1/TC diện tích 1.684m² tại xã P, huyện P, tỉnh Hà Tây (cũ) do UBND huyện Phú Xuyên cấp ngày 29/09/2004 cho hộ bà Trịnh Thị N. (Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 172KD-2011/TC ngày 31/5/2011 giữa 03 bên VB, HTX Dệt thủ công Q và bà Trịnh Thị N, ông Đoàn Hữu T, anh Đoàn Trịnh D)

4.3. Các máy móc, thiết bị và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ giá trị máy móc thiết bị trong thời gian vay gồm:

- 03 Máy dệt kim bằng KS2B-E28, xuất xứ Trung Quốc, sản xuất năm 2011.
- 01 Máy mắc sợi GE 203, xuất xứ Trung Quốc, sản xuất năm 2011
- 200 Trục cuộn sợi, xuất xứ Trung Quốc, sản xuất năm 2011.

Tất cả các phụ tùng lắp thêm hoặc thay thế vào các tài sản được liệt kê trên đây đều thuộc tài sản thế chấp. (Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 271/KD-2011/TC ngày 18/7/2011 giữa VB và HTX Dệt thủ công Q)

5. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu Công ty Cổ phần Bất động sản N trả tiền lương cho cán bộ quản lý; Yêu cầu thanh toán tiền khấu hao tài sản do vi phạm hợp đồng; Yêu cầu trả tiền thuê đất; Tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng của Hợp tác xã Dệt thủ công Q đối với Công ty Cổ phần Bất động sản N.

- Yêu cầu của đòi Công ty Cổ phần Bất động sản N trả tiền lương cho cán bộ quản lý của Hợp tác xã Dệt thủ công Q; Yêu cầu thanh toán tiền khấu hao tài sản; Yêu cầu phạt do vi phạm hợp đồng, Yêu cầu trả tiền thuê đất; Tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng của Hợp tác xã Dệt thủ công Q và yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm của ông Hoàng Văn P (Giám đốc Chi nhánh K, Ngân hàng Việt Nam T) về hành vi ký chấp nhận cho Công ty N nhận tài sản thế

chấp của Hợp tác xã Dệt thủ công Q sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn khởi kiện trong thời hiệu và chứng cứ hợp pháp kèm theo.

6. Về án phí: Hợp tác xã Dệt thủ công Q phải chịu 250.443.581đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hợp tác xã Dệt thủ công Q đã nộp tạm ứng số tiền là 63.900.000đ theo các biên lai số 0004648 ngày 20/02/2017 và biên lai số 0005138 ngày 05/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, nay còn phải nộp tiếp 186.543.581đ

Hoàn trả Công ty TNHH MTV Q (do Ngân hàng TMCP Việt Nam T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng) 57.380.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004373 ngày 03/2/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên.

Hoàn trả Công ty Cổ phần Bất động sản N 57.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004426 ngày 22/3/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSNDTP Hà Nội
- TAND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh